

**CÔNG TY TNHH HAN BA TANG TECH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HAN BA TANG TECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAN BA TANG TECH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HAN BA TANG TECH CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301313049

**3. Ngày thành lập:** 09/12/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà riêng ông Nguyễn Duy Hải, Khu phố mới Thịnh Lang, Phường Đình Bảng,  
Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0986109299

Fax:

Email: myhuyennt307@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312        |
| 2.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                  | 3313        |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314        |
| 4.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                  | 3319        |
| 5.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                 | 3320        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649        |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                     | 4651        |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                      | 4652        |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                  | 4653        |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                         | 4659        |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                       | 4669        |
| 12. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690(Chính) |
| 13. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                      | 4719        |
| 14. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741        |
| 15. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 16. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                              | 4912        |
| 17. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                          | 4933        |
| 18. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                 | 5012        |
| 19. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                     | 5022        |
| 20. | Vận tải hành khách hàng không                                                                                                                                           | 5110        |
| 21. | Vận tải hàng hóa hàng không                                                                                                                                             | 5120        |

|     |                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                             | 5210 |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                | 5221 |
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy               | 5222 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không               | 5223 |
| 26. | Bốc xếp hàng hóa                                                        | 5224 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                 | 5225 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                     | 5229 |
| 29. | Bưu chính                                                               | 5310 |
| 30. | Chuyển phát                                                             | 5320 |
| 31. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                | 7020 |
| 32. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                     | 7110 |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu | 8299 |
| 34. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                            | 9521 |
| 35. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                     | 9522 |
| 36. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                   | 9524 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 30/07/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027195010144

Ngày cấp: 19/04/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phố Chùa Dận, Phường Đình Bảng, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phố Chùa Dận, Phường Đình Bảng, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/07/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027195010144

Ngày cấp: 19/04/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phố Chùa Dận, Phường Đình Bảng, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phố Chùa Dận, Phường Đình Bảng, Thành phố Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh